

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 7 - 2018

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Bá Lưu

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà: Nguyễn Thị Vòng.

Ông: Nguyễn Văn Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Nga - Thư ký TAND thành phố Đồng Hới.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 299/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22a/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018, Thông báo hoãn phiên tòa số 914/TBHPT-TA ngày 04/6/2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 35/TB-TA ngày 18/6/2018, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT: TDP A, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn Th, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đình Y, sinh năm 1981. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: TDP A, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn xin ly hôn đề ngày 01/11/2017, đơn bổ sung yêu cầu chia tài sản khi ly hôn ngày 19/11/2017, các bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Đình Y lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện H vào ngày 30/11/2006. Quá trình sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng sống không hoà hợp, anh Y hay uống rượu gây gổ đánh đập vợ, nên vợ chồng xúc phạm nhau. Năm 2013, chị L đã làm đơn đến Tòa để xin ly hôn được Tòa án hòa giải hai vợ chồng trở lại sống chung hoà thuận,

nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh Y lại chửi bới đánh đập chị, mâu thuẫn không khắc phục được, hai bên đã sống ly thân nhau, chị L bỏ về quê ngoại sống gần một năm nay, hai bên không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L làm đơn xin ly hôn để mỗi người tạo lập cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Lê B, sinh ngày: 29/10/2007 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/02/2010 lâu nay hai cháu sống với mẹ tại nhà ngoại ở xã Q, Tuyên H. Khi đến Tòa hòa giải hai bên thoả thuận giao cháu Nguyễn Lê B cho anh Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ, không bên nào đóng góp tiền nuôi con cho bên nào. Vì vậy anh Y đã đưa cháu Nguyễn Lê B về ở với anh Y.

Tài sản chung: Do không thể tự thỏa thuận để chia tài sản chung, chị L khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật, gồm: Nhà ở vợ chồng xây dựng trên đất của bố mẹ chồng giá trị 200.000.000 đồng; tiền gửi Tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng V 50.000.000 đồng; tiền công lao động của vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết M đang nợ 20.000.000 đồng; tiền mặt 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 trị giá 15.000.000 anh Y đang giữ, 10.300.000 đồng tiền công xây nhà anh Y nhận ở anh Nguyễn Trần Q đang giữ; tủ lạnh máy giặt trị giá 3.000.000 đồng; hai tủ đựng quần áo trị giá 5.000.000 đồng; 03 xe máy trị giá 10.000.000 đồng; 02 bình hoa gỗ xoan 01 tượng gỗ hương giáng trị giá 5.000.000 đồng; 01 bộ bếp ga bình ga trị giá 1.000.000 đồng, 01 bàn quỳ trị giá 700.000 đồng; các loại máy gồm 02 máy tời, 01 máy trộn, 04 máy cắt đá, 01 máy cắt gỗ, xe ba gác, cốt pha, giàn giáo, nắp trụ hộp cổ trụ... trị giá 15.000.000 đồng. Toàn bộ tài sản anh Y đang giữ. Tổng số giá trị tài sản bằng tiền: 345.000.000 đồng yêu cầu chia đôi cho vợ chồng. Vợ chồng không vay nợ ai. Ngày 04/12/2017, hai bên thỏa thuận về giá trị và việc phân chia một số tài sản, theo đó:

+ Anh Y nhận sở hữu: 01 chiếc Yamaha trị giá 5.000.000 đồng, 01 Tủ lạnh trị giá 1.500.000 đồng, 01 tủ 03 buồng trị giá 3.500.000 đồng, 01 bình hoa gỗ Xoan trị giá 1.500.000 đồng và 01 bộ bếp ga bình ga trị giá 1.000.000 đồng, 01 bàn quỳ trị giá 700.000 đồng; Toàn bộ 01 máy tời (chứ không phải 02 máy như chị Lành khai), 01 máy trộn bê tông, 01 máy đục, 01 máy khoan, 03 máy cắt đá, 01 máy cắt gỗ, 02 xe rửa, một số cốt pha, giàn giáo trị giá 15.000.000 đồng. Tổng cộng 28.200.000 đồng.

+ Chị L nhận sở hữu: 01 chiếc Honda Wave RS trị giá 4.000.000 đồng và 01 chiếc Honda 78 trị giá 1.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng, 01 tủ 02 buồng trị giá 1.500.000 đồng, 01 bình hoa gỗ Xoan trị giá 1.500.000 đồng, 01 tượng gỗ hương giáng trị giá 1.700.000 đồng. Tổng cộng 11.200.000 đồng.

Tiền gửi tiết kiệm sẽ rút ra chia cho anh Y được nhận 16.500.000 đồng chị L được nhận 33.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh không đáng kể sẽ chia đôi.

Những tài sản khác còn tranh chấp: Nhà ở vợ chồng xây dựng trên đất của bố mẹ anh Y giá trị 200.000.000 đồng; tiền công của vợ chồng bà Phạm Thị Tuyết M đang nợ 20.000.000 đồng; 10.300.000 đồng tiền công xây nhà anh Y nhận ở anh Nguyễn Trần Q, anh Y giữ; anh Y cầm giữ tiền mặt 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng

9999 trị giá 15.000.000 đồng cùng sổ tiết kiệm và giấy chứng minh nhân dân của chị L. Chị L thừa nhận có giữ 03 chỉ vàng nhưng khi ra đi chị không có tiền bạc, nên đã bán nuôi 2 con trong thời gian qua, chị không giữ 06 chỉ vàng 9999, 01 chỉ vàng tây và gần 20.000.000 đồng tiền mặt như anh Y khai.

Tại phiên hòa giải ngày 28/12/2017 và tại phiên tòa chị L thay đổi ý kiến đã thỏa thuận: Do anh Y và bố mẹ anh Y không chấp nhận công sức tiền bạc vợ chồng chị đã đóng góp để cải tạo, sửa chữa, xây dựng nhà trên đất của bố mẹ anh Y và chị cũng không có chứng cứ để chứng minh nên chị rút yêu cầu, không tranh chấp về số tiền và công sức đóng góp xây dựng nhà trị giá 200.000.000 đồng với bố mẹ anh Y nữa để không phải chịu án phí, chi phí thẩm định và định giá... Sau ly hôn chị không có nhà ở, những hiện vật đã thống nhất chia như chiếc xe Hon da 78, tủ 02 buồng, bình hoa gỗ, tượng gỗ chị không có nhu cầu cần thiết cũng như chỗ để cất giữ, đề nghị được giao sở hữu 50.000.000 tiền gửi tiết kiệm cùng tiền lãi phát sinh để chị tạo lập nơi ở mới cho hai mẹ con, được nhận 01 xe Honda Wawe RS BKS 73N8-8069 trị giá 4.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại chở con đi học và 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng. Tài sản còn lại giao cho anh Y sở hữu tất cả.

*Tại bản tự khai ngày 10/11/2017, bản tự khai bổ sung ngày 04/12/2017, lời khai tại các phiên hoà giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Đình Y trình bày:

Về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống của vợ chồng như chị L đã trình bày là đúng. Vợ chồng sống chung với bố mẹ anh Y chỉ được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, chị L đã nhiều lần bỏ đi khỏi nhà rồi trở lại sống chung, năm 2017 chị L đưa cả hai con về bên ngoại ở và làm đơn ly hôn. Nay anh Y cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể trở lại sống chung hạnh phúc nên đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho vợ chồng, vì vợ chồng không còn trách nhiệm gì với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, hai bên đã thỏa thuận giao cháu Nguyễn Lệ B cho anh Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ, không bên nào đóng góp tiền nuôi con cho bên nào, đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận này.

Tài sản chung: Do vợ chồng không thể tự thỏa thuận, anh Y cũng đồng ý yêu cầu Tòa án phân chia. Tài sản hiện có của vợ chồng và giá trị như hai bên thống nhất tại biên bản hòa giải ngày 04/12/2017 nói trên, đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận:

+ Anh Y nhận sở hữu: 01 chiếc Yamaha, 01 Tủ lạnh, 01 tủ 3 buồng, 01 bình hoa gỗ Xoan, 01 bộ bếp ga bình ga, 01 bàn quỳ; Toàn bộ chỉ có 01 máy tời (chứ không phải 02 máy như chị L khai), 01 máy trộn bê tông, 01 máy đục, 01 máy khoan, 03 máy cắt đá, 01 máy cắt gỗ, 02 xe rùa, một số cốt pha, giàn giáo. Tổng cộng 28.200.000 đồng.

+ Chị L nhận sở hữu: 01 chiếc xe Honda Wawe RS, 01 chiếc xe Honda 78, 01 máy giặt, 01 tủ 02 buồng , 01 bình hoa gỗ Xoan, 01 tượng gỗ hương giáng. Tổng cộng 11.200.000 đồng.

Tiền gửi tiết kiệm chia cho anh Y được nhận 16.500.000 đồng chị L được nhận 33.500.000 đồng, tiền lãi phát sinh sẽ chia đôi.

Nhà là của bố mẹ anh Y xây dựng từ trước khi chị L về ở, sau này bố mẹ anh bỏ tiền để cải tạo sửa chữa nhà và bếp, vợ chồng không bỏ tiền chỉ có góp công sức xây dựng, trông coi quản lý thợ giúp, bố mẹ anh nấu cơm cho cả nhà ăn. Anh Y và bố mẹ anh không chấp nhận yêu cầu trích chia công sức của chị L.

Số tiền công thợ nề 10.300.000 đồng ở anh Nguyễn Trần Q, anh Y thừa nhận anh đã nhận nhưng anh Y đã trả công thợ còn thiếu tiền của thợ nề và lợp mái 13.800.000 đồng. Tiền mặt 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 anh Y không giữ. Vì sợ chị L sẽ rút tiền để tẩu tán tài sản nên anh Y giữ lại số tiết kiệm còn tài sản tiền vàng chị L giữ; khi đi khỏi nhà chị L còn cầm gần 20.000.000 đồng và 9 chỉ vàng 9999 (gồm 1 dây chuyền cả tượng 4 chỉ, 01 lắc 03 chỉ, 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 1 chỉ) và 01 nhẫn vàng tây bỏ về quê ở đề nghị đưa vào tài sản chung để chia. Anh Y không nhất trí với đề nghị của chị L, yêu cầu Tòa chia theo quy định của pháp luật.

Về số tiền 20.000.000 đồng chị Phạm Thị Tuyết M không còn nợ, chị M xác nhận nợ cho chị L, anh Y giao cho chị L đòi nợ và hưởng một mình anh Y không tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và đơn bổ sung yêu cầu bổ sung khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, đây là vụ án dân sự về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại phường S nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình Y xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết thương yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, mà cuộc sống chung của vợ chồng đã luôn xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên bất đồng về quan điểm sống, thiếu sự thông cảm chia sẻ trong đời sống vợ chồng, dẫn đến thiếu sự tôn trọng nhau, từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã mâu thuẫn chửi bới xúc phạm, đánh đập nhau, mâu thuẫn còn xảy ra giữa chị L với gia đình chồng. Do đó tình cảm vợ chồng, gia đình mất mát, chị L bỏ về nhà bố mẹ để ở, vợ chồng sống mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Chị L và anh Y đều xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc chị L xin ly hôn anh Y đồng ý thuận tình ly hôn. Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không trở lại đoàn tụ với nhau được. Tại phiên tòa các bên đương sự không thay đổi ý kiến thuận tình ly hôn tại các phiên hoà giải, đề nghị Tòa án xử

công nhận thuận tình ly hôn cho vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai bên đều thống nhất vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Lê B, sinh ngày: 29/10/2007 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 18/02/2010. Hai bên thoả thuận giao cháu Nguyễn Lê B cho anh Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đ, không bên nào đóng góp tiền nuôi con cho bên nào. Thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với hoàn cảnh hiện tại và quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên không tự giải quyết được và đều yêu cầu Tòa giải quyết phân chia. Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[2.3.1] Về tài sản chung và giá trị yêu cầu phân chia: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, các chứng cứ do đương sự cung cấp và thỏa thuận giá của hai bên đã có đủ cơ sở xác định trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh Y có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

Tiền gửi Tiết kiệm tại Ngân hàng V 50.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/năm, đứng tên chị L gửi, anh Y đang giữ sổ tiết kiệm; 03 chiếc xe máy trị giá 10.000.000 đồng (01 chiếc hiệu Yamaha BKS 73D1-030.55 trị giá 5.000.000 đồng, 01 chiếc Honda Wave RS BKS 73N8-8069 trị giá 4.000.000 đồng và 01 chiếc Honda 78 BKS 73HA-2571 trị giá 1.000.000 đồng); 01 tủ lạnh trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo 3 buồng trị giá 3.500.000 đồng; 01 tủ 02 buồng trị giá 1.500.000 đồng; 02 bình hoa gỗ Xoan trị giá 1.500.000 đồng/bình = 3.000.000 đồng; 01 bộ bếp ga + bình ga trị giá 1.000.000 đồng; 01 bàn quỳ trị giá 700.000 đồng; 01 tượng gỗ hương giáng trị giá 1.700.000 đồng; Toàn bộ các loại máy, cốt pha, giàn giáo phục vụ xây dựng trị giá 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo chị L trình bày trong quá trình hôn nhân vợ chồng xây dựng 01 ngôi nhà trên đất của bố mẹ anh Y giá trị 200.000.000 đồng nhưng do anh Y và bố mẹ anh Y không thừa nhận, chị L đã rút yêu cầu để không phải chi phí thẩm định, định giá tài sản, Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

Số tiền 10.300.000 đồng tiền công xây nhà anh Y nhận ở anh Nguyễn Trần Q khi Tòa án chưa thụ lý vụ án, anh Y đã trả tiền công cho thợ (do anh Y là người nhận thầu) nên không còn là tài sản chung để chia.

Về số tiền mặt và vàng: Chị L khai nhận có giữ 03 chỉ vàng nhưng khi ra đi chị không có tiền bạc, nên chị đã bán nuôi 2 con trong thời gian qua, chị không giữ 06 chỉ vàng 9999, 01 chỉ vàng tây và gần 20.000.000 đồng tiền mặt như anh Y khai; anh Y cầm giữ tiền mặt 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 trị giá 15.000.000 đồng. Ngược lại, anh Y khai tiền mặt 10.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 anh Y không giữ, chị L khi đi khỏi nhà còn cầm gần 20.000.000 đồng và 9 chỉ vàng 9999 (gồm 1 dây chuyền cả tượng 4 chỉ, 01 lắc 03 chỉ, 02 chiếc nhẫn mỗi chiếc 1 chỉ) và

01 nhẫn vàng tây bỏ về quê ở. Anh Y chị L đều không có chứng cứ gì chứng minh về nguồn gốc tài sản, hai bên khai báo số tiền vàng vợ chồng có cũng không thống nhất, không có cơ sở để xác định số lượng tiền mặt và vàng vợ chồng có và ai là người cầm giữ tiền mặt và vàng. Sổ tiết kiệm của vợ chồng anh Y cầm giữ, việc chị L đã bán 03 chỉ vàng để nuôi 02 con khi ra đi khỏi nhà mà không có tiền bạc là chấp nhận được. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị L và của anh Y về việc đưa số tiền mặt và số vàng do bên kia nắm giữ vào tài sản chung để chia.

Về số tiền 20.000.000 đồng chị Phạm Thị Tuyết M, theo anh Y trình bày thì chị M không còn nợ, chị M xác nhận nợ cho chị L, anh Y đồng ý giao cho chị L đòi nợ và hưởng một mình, anh Y không tranh chấp. Quá trình tố tụng chị L không có yêu cầu đòi nợ đối với chị M nên Tòa án không xem xét; chị L có quyền đòi nợ hoặc khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

Tổng cộng trị giá tài sản để chia là 89.400.000 đồng.

[2.3.2] Xét công sức tạo lập khối tài sản chung: Cả chị L và anh Y đều lao động có thu nhập để tạo ra khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, vì vậy công sức của chị L và anh Y trong việc tạo dựng tài sản chung là như nhau nên trị giá tài sản mỗi người được hưởng là ngang nhau, mỗi người được hưởng 1/2 trị giá tài sản số tiền mỗi người được hưởng là: 44.700.000 đồng.

[2.3.3] Xét yêu cầu chia bằng hiện vật và nhu cầu sử dụng của của hai bên, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau ly hôn chị L chưa có nhà ở, những hiện vật như chiếc xe Hon da 78, tủ 02 buồng, bình hoa gỗ, tượng gỗ chị L không có nhu cầu sử dụng bức thiết cũng như chỗ để cất giữ; anh Y đã có nhà ở của bố mẹ trong đó có phần nào công sức đóng góp của vợ chồng anh Y chị L trong việc tạo lập duy trì, phát triển. Chấp nhận nguyện vọng của chị L giao cho chị L sở hữu 01 xe Honda Wave RS BKS 73N8-8069 trị giá 4.000.000 đồng để làm phương tiện đi lại và 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng, giao cho chị L số tiền 50.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm cùng tiền lãi phát sinh. Tài sản còn lại giao cho anh Y sở hữu tất cả, cho chị L được nhận tài sản bằng tiền nhiều hơn để chị có điều kiện tạo lập nơi ở mới cho hai mẹ con. Chị L có trách nhiệm giao tiền chênh lệch tài sản cho anh Y là phù hợp Điều 59 của Luật Hôn nhân gia đình

[3] Về án phí: Các đương sự thuận tình ly hôn mỗi bên phải chịu ½ án phí ly hôn không có giá ngạch và phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch bằng 5% giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự các Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình Y.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; giao cháu Nguyễn Lê B sinh ngày: 29/10/2007 cho anh Nguyễn Đình Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 18/02/2010 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; không bên nào đóng góp tiền nuôi con cho bên nào. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị L yêu cầu chia tài sản 200.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà vợ chồng xây dựng trên đất của bố mẹ anh Nguyễn Đình Y.

- Không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L về việc yêu cầu xác định 10.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 9999 trị giá 15.000.000 đồng và số tiền công thợ nề 10.300.000 đồng ở anh Nguyễn Trần Q do anh Y giữ để đưa vào tài sản chung phân chia. Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Đình Y về việc yêu cầu xác định gần 20.000.000 đồng và 09 chỉ vàng 9999, 01 chỉ vàng tây có ở chị L giữ để đưa vào tài sản chung phân chia. Xác định trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh Y có tạo lập được khối tài sản chung gồm: Tiền gửi Tiết kiệm 50.000.000 đồng; 03 chiếc xe máy trị giá 10.000.000 đồng (01 chiếc hiệu Yamaha trị giá 5.000.000 đồng, 01 chiếc Honda Wawe RS trị giá 4.000.000 đồng và 01 chiếc Honda 78 trị giá 1.000.000 đồng); 01 tủ lạnh trị giá 1.500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo 3 buồng trị giá 3.500.000 đồng; 01 tủ 02 buồng trị giá 1.500.000 đồng; 02 bình hoa gỗ Xoan trị giá 1.500.000 đồng/bình = 3.000.000 đồng; 01 bộ bếp ga + bình ga trị giá 1.000.000 đồng; 01 bàn quỳ trị giá 700.000 đồng; 01 tượng gỗ hương giáng trị giá 1.700.000 đồng; Toàn bộ 01 máy tời, 01 máy trộn bê tông, 01 máy đục, 01 máy khoan, 03 máy cắt đá, 01 máy cắt gỗ, 02 xe rùa, một số cốt pha, giàn giáo trị giá 15.000.000 đồng. Chị L hiện đang quản lý sử dụng 01 chiếc Honda Wawe RS, các loại tài sản khác còn lại do anh Y đang quản lý. Tổng giá trị tài sản 89.400.000 đồng, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ bằng 44.700.000 đồng.

+ Giao cho chị Nguyễn Thị L sở hữu: Tiền gửi Tiết kiệm tại Ngân hàng V 50.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh, lãi suất 4,8%/năm, đứng tên chị L gửi, anh Y đang giữ sổ tiết kiệm; 01 chiếc xe máy hiệu Honda BKS 73N8-8069 trị giá

4.000.000 đồng chị L đang quản lý sử dụng; 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng (anh Y đang quản lý sử dụng). Tổng cộng tài sản chị L nhận 55.500.000 đồng.

Chị L được nhận sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00006290601 của Ngân hàng V phát hành ngày 18/9/2017 do anh Nguyễn Đình Y có trách nhiệm giao lại.

Chị L phải có trách nhiệm giao cho anh Y số tiền 10.800.000 đồng chênh lệch tài sản.

+ Giao cho anh Nguyễn Đình Y sở hữu: 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha loại JIUPITER BKS 73D1-030.55 trị giá 5.000.000 đồng, 01 chiếc xe máy hiệu Honda BKS 73HA-2571 trị giá 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 1.500.000 đồng, 01 tủ đựng quần áo 3 buồng trị giá 3.500.000 đồng, 01 tủ 02 buồng trị giá 1.500.000 đồng, 02 bình hoa gỗ Xoan trị giá 3.000.000 đồng, 01 tượng gỗ hương giáng trị giá 1.700.000 đồng và 01 bộ bếp ga bình ga trị giá 1.000.000 đồng, 01 bàn quỳ trị giá 700.000 đồng; Toàn bộ 01 máy tời, 01 máy trộn bê tông, 01 máy đục, 01 máy khoan, 03 máy cắt đá, 01 máy cắt gỗ, 02 xe rửa, một số cốt pha, giàn giáo trị giá 15.000.000 đồng (Toàn bộ tài sản được giao hiện do anh Y quản lý sử dụng).

Tổng cộng tài sản anh Y nhận 33.900.000 đồng và được nhận sổ tiền chênh lệch tài sản do chị L có trách nhiệm giao 10.800.000 đồng.

Anh Nguyễn Đình Y phải có trách nhiệm giao lại cho chị L sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00006290601 do Ngân hàng V phát hành ngày 18/9/2017.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và anh Y giao lại sổ tiết kiệm cho chị L cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn chưa thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đình Y mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 2.235.000 đồng án phí dân sự về chia tài sản. Số tiền anh chị L phải nộp được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0000085 ngày 02 tháng 11 năm 2017 và 4.312.500 đồng theo biên lai số AA/2017/0000088 ngày 24 tháng 11 năm 2017 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Đồng Hới. Trả lại cho chị L số tiền 2.227.500 đồng còn lại sau khi khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt các bên đương sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA DS TP Đồng Hới;
- UBND xã Cao Quảng, Tuyên Hóa, QB;
- Các đương sự.
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

Võ Bá Lưu

Nguyễn Thị Vòng Nguyễn Văn Phương

9

**NỘI DUNG NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HOÀ GIẢI
ĐÃ THỎA THUẬN ĐƯỢC VÀ KHÔNG THỎA THUẬN ĐƯỢC:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lành và anh Nguyễn Đình Yên tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên thoả thuận giao cháu Nguyễn Lê Bình cho anh Nguyễn Đình Yên trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Lành trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành Đạt, không ai đóng góp tiền nuôi con cho bên nào.

- Tài sản chung: Hai bên đã thỏa thuận:

+ Anh Yên nhận sở hữu: 01 chiếc Yamaha trị giá 5.000.000 đồng, 01 Tủ lạnh trị giá 1.500.000 đồng, 03 buồng trị giá 3.500.000 đồng, 01 bình hoa gỗ Xoan trị giá 1.500.000 đồng và 01 bộ bếp ga bình ga trị giá 1.000.000 đồng, 01 bàn quỳ trị giá 700.000 đồng; Toàn bộ máy tời, máy trộn bê tông, máy cắt đá, máy cắt gỗ, 02 xe rửa, một số cốt pha, giàn giáo trị giá 15.000.000 đồng. Tổng cộng 28.200.000 đồng.

+ Chị Lành nhận: 01 chiếc Honda Wave RS trị giá 4.000.000 đồng và 01 chiếc Honda 78 trị giá 1.000.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 1.500.000 đồng, 01 tủ 02 buồng trị giá 1.500.000 đồng, 01 bình hoa gỗ Xoan trị giá 1.500.000 đồng, 01 tượng gỗ hương giáng trị giá 1.700.000 đồng. Tổng cộng 11.200.000 đồng.

- Vợ chồng không thống nhất được về tiền mặt và vàng hai bên giữ, không thống nhất được giá trị đóng góp xây dựng nhà cửa và có tranh chấp yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Hai bên tự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung vợ chồng thống nhất có:

Theo chị Lành trình bày: Vợ chồng có 02 máy tời, 01 máy trộn bê tông, 01 máy đục, 01 máy khoan, 03 máy cắt đá, 01 máy cắt gỗ, 02 xe rửa, cốt pha, giàn giáo trị giá 15.000.000 đồng.